SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TH-2C1**

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM DỰ THẦU ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

GÓI THẦU THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ**																		
1	10	Cefaclor	CECLOR		VN-17626-14	250mg	Viên nang cứng	H/1 vỉ x 12 viên	Uống	Viên	Facta Farmaceutici SPA	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
2	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN**																		
1	26	Floctafenin	IDARAC (SX THEO NHƯỢNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A-FRANCE)		VD-22313-15	200mg	Viên nén	Hộp/ 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
2	57	Thiocolchicoside	COLTRAM YL 4MG (SX NHƯỢNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A; PHÁP)		VD-22638-15	4mg	viên nén	Hộp/ 1 vỉ x 12 viên	Uống	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
3	**CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG**																		
1	3	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml		VN-20734-17	150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 ống x 3ml	Tiêm	Ống	Sanofi Winthrop Industries	Pháp	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	14	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 110mg Cap B/30	Pradaxa	VN-16443-13	110 mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
3	15	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate) 75mg	Pradaxa 75mg Cap B/30	Pradaxa	VN-17271-13	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
4	16	Diclofenac diethylamine	Voltaren Emulgel		VN-17535-13	1,16g/100 g gel	Gel bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 20g	Ngoài da	Tuýp	Novartis Consumer Health SA	Thụy Sỹ	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
5	19	Enoxaparin Natri (6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml)	Lovenox	Lovenox	QLSP-893-15	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
6	32	Infliximab	Remicade 100mg B/1	Remicade (Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V; Địa chỉ: Einsteinweg 101, 2333 CB Leiden, Hà Lan)	QLSP-970-16	100mg	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền	Hộp 1 lọ x100mg	Tiêm	Lọ	Cilag AG	Thụy Sỹ	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
7	33	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate); Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent 2,5mg + 0,5mg B/10	Combivent	VN-19797-16	0,5mg + 2,5mg	Dung dịch khí dung	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Dạng hít	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
8	45	Muối natri của acid Hyaluronic	Hyalgan inj. 20mg/2ml	Hyalgan	VN-11857-11	20mg/2ml	Dung dịch tiêm trong khớp	Hộp 1 ống tiêm bơm đầy sẵn 2 ml	Tiêm	Ống	Fidia Farmaceutici S.p.A	Ý	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
9	47	Paracetamol	Perfalgan		VN-19071-15	10mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Gói 12 lọ x 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Bristol-Myers Squibb S.r.l	Ý	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
10	56	Teicoplanin	Targosid	Targosid	VN-19906-16	400mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Tiêm	Lọ	Sanofi S.p.A	Ý	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
11	58	Tocilizumab	Actemra Inj. 200mg/10ml	Actemra (Đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd., địa chỉ: Kaiseraugst, Switzerland)	VN-16257-13	200mg	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	Hộp 1 lọ 10ml	Tiêm truyền	Lọ	Chugai Pharma Manufacturing Co., Ltd	Nhật	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
12	59	Tramadol HCl + Paracetamol	Ultracet 37,5mg + 325mg Tab B/30	Ultracet	VN-16803-13	37,5mg + 325mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Janssen Korea Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
4	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2**																		
1	1	Acid Zoledronic (dưới dạng acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
2	2	Adalimumab	Humira Inj 40mg/0.8ml 2's	Humira (Cơ sở xuất xưởng: AbbVie Biotechnology GmbH; Địa chỉ: Knollstr. 67061 Ludwigshafen, Germany)	QLSP-951-16	40mg/0,8ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 1 xylanh đóng sẵn thuốc và một miếng vải tẩm cồn	Tiêm	Bơm tiêm	Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG.	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
3	4	Amoxicillin Sodium, Clavulanate Potassium (1g Amoxicillin + 200mg acid clavulanic)	Augmentin Inj 1.2g 10's	Augmentin Injection	VN-8713-09	1g Amoxicillin + 200mg acid clavulanic	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Lọ	SmithKline Beecham plc	Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TH-2C1**

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	5	Ampicillin Sodium (1g Ampicillin) ,Sulbactam sodium (500mg Sulbactam)	Unasyn Inj 1500mg 1's	Unasyn	VN-12601-11	1g Ampicillin + 500mg Sulbactam	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ1,5g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
5	6	Atracurium besylate	Tracrium 25mg/2.5ml 5's	Tracrium	VN-18784-15	25mg/2,5 ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 5 ống 2,5ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
6	7	Bisoprolol fumarate	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's	Concor Cor	VN-18023-14	2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Merck KGaA; đóng gói bởi Merck KGaA & Co., Werk Spittal	Đức, đóng gói Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
7	8	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic Inj. 50IU/ml 1mlx5's	Miacalcic	VN-17766-14	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
8	12	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1g	Fortum Inj.1g 1's (Italy)	Fortum (CSSX ống nước pha tiêm GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A, địa chỉ: Strada Provinciale Asolana, 90, 43056 San Polo di Torrile (PR), Ý)	VN-20515-17	1g	Bột pha tiêm hay truyền	Hộp 1 lọ thuốc bột + 1 ống nước pha tiêm 3ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
9	13	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH, địa chỉ: Heirich-Mack-Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pfizer pharmaceuticals LLC	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
10	17	Diclofenac Sodium	Voltaren 50 Tab 50mg 10x10's	Voltaren 50	VN-13293-11	50mg	Viên nén không tan trong dạ dày	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Uống	Novartis Saglik Gida Ve Tarim Urunleri San. Ve Tic.A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
11	18	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml Inj 3ml 1x5's	Voltaren 75mg/3ml	VN-20041-16	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 1 vỉ x 5 ống 3ml	Tiêm	Ống	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TH-2C1**

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
12	20	Epirubicin Hydrochloride	Farmorubicina Inj 10mg 1's	Farmorubicina	VN-20840-17	10mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm +1 ống dung môi 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV), tiêm bàng quang, truyền qua động mạch	Lọ	Actavis Italy S.P.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
13	21	Epirubicin Hydrochloride	Farmorubicina Inj 50mg 1's	Farmorubicina	VN-20841-17	50mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm	Tiêm tĩnh mạch (IV), tiêm bàng quang, truyền qua động mạch	Lọ	Actavis Italy S.P.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
14	23	Etoricoxib	Arcoxia Tab 120mg 30's	Arcoxia 120mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20808-17	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
15	24	Etoricoxib	Arcoxia Tab 60mg 30's	Arcoxia 60mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20809-17	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TH-2C1**

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
16	25	Etoricoxib	Arcoxia Tab 90mg 30's	Arcoxia 90mg (đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20810-17	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Frosst Iberica S.A.	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TH-2C1**

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
17	27	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH; địa chỉ:Betriebsstatte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
18	31	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri) 500mg	Tienam Inj 500mg 1's	Tienam (Đóng gói tại Laboratories Merck Sharp & Dohme-Chibret, địa chỉ Route de Marsat, Riom, 63963 Clermont-Ferrand Cedex 9, Pháp)	VN-20190-16	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri) 500mg	Bột pha truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Merck Sharp & Dohme Corp.	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
19	34	Isoflurane	Forane Sol 250ml 1's	Forane	VN-20123-16	99,9% kl/kl	Dung dịch để hít	Lọ 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Lọ	Aesica Queenborough Ltd	Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
20	38	Levobupivacaine hydrochloride	Chirocaine 5mg/ml Ampoule 10x10ml	Chirocaine (đóng gói tại Abbott SRL - Italy)	VN-12139-11	5mg/ml Levobupivacaine	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 10ml	Tiêm	Ống	Curida AS.	Na Uy	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
21	40	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil + Omega-3-acid triglycerides	Lipidem Inj.100ml 10's	Lipidem	VN2-196-13	10,0g/100ml; 8,0g/100ml; 2,0g/100ml	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
22	41	Mỗi 100ml chứa: Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil refined + Omega-3-acid triglycerides	Lipidem Inj. 250ml 10's	Lipidem	VN-20656-17	10,0g/100ml; 8,0g/100ml; 2,0g/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 10 chai 250ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
23	46	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
24	48	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's	Lyrica	VN-16347-13	75mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
25	49	Ranitidine (dưới dạng Ranitidine HCl)	Zantac Inj 25mg/ml 5x2ml	Zantac Injection	VN-20516-17	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Ống	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
26	50	Rivaroxaban	Xarelto Tab 10mg 10's	Xarelto	VN-13506-11	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Bayer Pharma AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
27	51	Rocunorium bromide	Esmeron 50mg Via 10mg/ml 10's	Esmeron (Đóng gói & xuất xưởng: N.V. Organon, đ/c: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Hà Lan)	VN-17751-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV)	Lọ	Hameln Pharmaceutical GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
28	54	Sevoflurane	Sevorane Sol 250ml 1's	Sevorane	VN-19755-16	100% v/v	Dung dịch hít	Hộp 1 lọ 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Chai	Aesica Queenborough Limited	Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
5	**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI**																		
1	35	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine;	Aminoplasmal B.Braun 10% E	Aminoplasmal B.Braun 10% E	VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 1,25g; Leucine 2,225g; Lysine (dưới dạng	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3) Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	(4)	(5)	(6)	(7) lysine HCl) 1,7125g; Methionine 1,10g; Phenylalanine 1,175g; Threonine 1,05g; Tryptophan 0,40g; Valine 1,55g; Arginine 2,875g; Histidine 0,75g; Alanine 2,625g; Glycine 3,00g; Aspartic acid 1,40g; Glutamic acid 1,80g; Proline 1,375g; Serine 0,575g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,7145g; Sodium hydroxide 0,09g; Potassium acetate 0,61325g;	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
						Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.													
2	36	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 10% E	Aminoplasmal B.Braun 10% E	VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 1,25g; Leucine 2,225g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 1,7125g; Methionine 1,10g; Phenylalanine 1,175g; Threonine 1,05g; Tryptophan 0,40g; Valine 1,55g; Arginine 2,875g; Histidine 0,75g; Alanine 2,625g; Glycine 3,00g; Aspartic acid 1,40g;	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
						Glutamic acid 1,80g; Proline 1,375g; Serine 0,575g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,7145g; Sodium hydroxide 0,09g; Potassium acetate 0,61325g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.													
3	37	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium	Aminoplasmal B.Braun 5 % E	Aminoplasmal B.Braun 5 % E	VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g;	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
		acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.				Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesiu													

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TH-2C1**

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá về tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
						m chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.													
6	**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ**																		
1	60	Tranexamic Acid	Transamin Injection		VN-11004-10	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 5ml	Tiêm	Ống 5ml	Olic (Thailand) Ltd.	Thái Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

Tổng số sản phẩm đánh giá : 59

Tổng số sản phẩm ĐẠT : 47

Ngày ..... Tháng ..... Năm .....

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA